TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2019/DS-ST
Ngày 19 - 11 - 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trương Minh Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 366/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm N; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Văn G; cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị T trình bày: Tháng 8/2013, ông G và bà N có vay của bà 01 lượng vàng 24k, lãi suất 700.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 5 tháng. Sau khi vay ông G, bà N có đóng lãi được 9 tháng tương đương 6.300.000 đồng. Từ đó đến nay bà N, ông G không trả vốn, lãi.

Tháng 02/2014, ông G và bà N vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Sau khi vay,

ông G, bà N có đóng lãi được 6.000.000 đồng/tháng. Từ đó đến nay bà N, ông G không trả vốn, lãi.

Năm 2018, bà có nhiều lần đến gặp ông G, bà N để yêu cầu trả tiền thì ông G, bà N trả được 800.000 đồng (4 lần).

Nay bà yêu cầu ông Huỳnh Văn G, bà Nguyễn Thị Cẩm N trả 01 lượng vàng 24k và số tiền 29.200.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Huỳnh Văn G đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông bà không có ý kiến đối với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa: Bà T giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Huỳnh Văn G trả tiền, vàng là vụ kiện tranh chấp đòi lại tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà N, ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bà T xác định việc vay tiền, vàng giữa bà với bà N, ông G không có làm giấy hay biên nhận. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2019 bà N thừa nhận và xin được trả mỗi tháng 400.000đ, nhưng bà T không đồng ý. Xét thấy: Mặc dù việc vay tiền, vàng giữa các đương sự không có làm giấy hay biên nhận, nhưng bà N đã thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2019. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định vào tháng 8/2013 và tháng 02/2014 bà T có cho bà N, ông G vay 10 chỉ vàng 24k và 30.000.000đ (đã trả được số tiền 800.000đ). Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với bà N, ông G thì ông bà đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của bà T, nhưng ông bà không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án giải quyết vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định bà N, ông G đã đồng ý với nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, vàng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kể từ khi vay tiền, vàng cho đến nay thì giữa bà N và ông G vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Như vậy, khoản nợ của bà T được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N với ông G. Do đó, bà N và ông G phải cùng nhau có nghĩa vụ trả khoản tiền, vàng cho bà T.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N và ông G phải có nghĩa vụ trả khoản tiền, vàng đã vay cho bà T.

[7] Xét về án phí dân sự: Bà N, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: [(29.200.000đ + 41.400.000đ (10 chỉ vàng 24k)] x 5% = 3.530.000đ (bảng giá vàng của Hội mỹ nghệ kim hoàn tỉnh Cà Mau ngày 19/11/2019 là: 01 chỉ vàng 24k = 4.140.000đ)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn G phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền là 29.200.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 24k.

2. Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn G chậm thi hành khoản tiền 29.200.000 đồng, thì hàng tháng bà N, ông G còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Huỳnh Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.530.000 đồng (ba triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh